

## Người nhập cư tự do vào thành phố Hồ Chí Minh

(Nghiên cứu trường hợp quận Gò Vấp)

NGUYỄN QUỚI

### I. Bối cảnh xã hội của hiện tượng nhập cư tự do

Thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm đô thị lớn, là một cực phát triển có sức hút mạnh nhất hiện nay so với cả nước. Nhiều vùng ven đô của thành phố này đã và đang trong quá trình đô thị hóa với tốc độ cao - một quá trình vừa có tính tự giác vừa có tính tự phát. Sức hút mạnh của một cực phát triển cùng với xu hướng đô thị hóa ở tại thành phố Hồ Chí Minh trong khoảng thập niên gần đây đã tạo nên những dòng người, từ nhiều địa phương khác nhau trong cả nước, tự động chuyển cư đến.

Trong bối cảnh chung đó, quận Gò Vấp - một quận ven đô - trong những năm gần đây đã và đang tiếp nhận một lượng người nhập cư hợp pháp và nhập cư tự do rất lớn. Tại đây rõ ràng có một áp lực mạnh của "cao trào" đô thị hóa và của sự gia tăng cơ học dân số do quá trình nhập cư vừa nói.

Quận Gò Vấp gồm 12 phường với tổng diện tích tự nhiên 19,2 km<sup>2</sup>, vào năm 1995 có số dân khoảng 227 ngàn người, mật độ dân số 11.823 người/km<sup>2</sup>. Dân số trong độ tuổi lao động có 118.800 người, trong đó số lao động đang làm việc khoảng 98.600 người (bằng 83%). Vào năm 1995, tỷ lệ tăng tự nhiên dân số là 1,47%, trong khi đó tỷ lệ tăng dân số cơ học là 3,8% - có thể xem quận Gò Vấp là một trong số các khu vực có tỷ lệ tăng dân số cơ học cao nhất ở thành phố Hồ Chí Minh trong mấy năm qua và cả hiện nay. Để hình dung toàn cảnh của tình hình nhập cư tự do, có thể tham khảo bảng số liệu dưới đây về tỷ lệ nhân khẩu thực tế cư trú nhưng không có hộ khẩu thường trú so với tổng số nhân khẩu ở mỗi quận, huyện năm 1994.

*Bảng 1: Tỷ lệ nhân khẩu thực tế cư trú nhưng không có hộ khẩu thường trú so với tổng số nhân khẩu ở mỗi quận, huyện năm 1994.*

Quận - huyện	Tỷ lệ (%)
<b>Toàn thành phố</b>	<b>18,44</b>
<b>*Nội thành</b>	<b>18,34</b>
Quận 1	14,91
Quận 2	14,76
Quận 4	17,92
Quận 5	10,98
Quận 6	14,83
Quận 8	20,41
Quận 10	10,71
Quận 11	14,78
Quận Gò Vấp	19,32

Quận - huyện	Tỷ lệ (%)
Quận Tân Bình	28,53
Quận Bình Thành	22,45
Quận Phú Nhuận	18,12
<b>* Ngoại thành</b>	<b>18,68</b>
Huyện Củ Chi	12,34
Huyện ước Môn	19,79
Huyện Thủ Đức	18,76
Huyện Bình Chánh	22,19
Huyện Nhà Bè	21,64
Huyện CầnGiờ	16,78

Nguồn: Theo Niên giám thống kê 1995 - Cục Thống kê thành phố Hồ Chí Minh.

Các con số vừa nêu cho thấy rằng các quận, huyện ven đô có tỷ lệ cao vượt trội về số người thực tế cư trú nhưng không có hộ khẩu thường trú. Theo đó, ở quận Gò Vấp cứ 5 người dân thì trong đó có 1 người không có hộ khẩu thường trú. Tỷ lệ này trên mức trung bình của toàn thành phố, và đứng vị trí thứ sáu trong số 18 quận, huyện, - sau quận Tân Bình, quận Bình Thành, huyện Bình Chánh, huyện Nhà Bè, huyện Hóc Môn.

Ngoài số người nhập cư tự do mà chính quyền cấp phường nắm được (dựa vào số người có đăng ký tạm trú), toàn quận Gò Vấp còn có khoảng 35.000 người không có hồ sơ quản lý. Người nhập cư tự do cư ngụ xen kẽ với dân sở tại trên khắp địa bàn 12 phường của quận, và đồng thời họ cũng làm xuất hiện nhiều khu vực quần cư mới - ở các phường 3, phường 5, phường 11, phường 12, phường 17. Ở những khu vực quần cư tự do này, từ mấy năm gần đây đã hình thành một số cụm dân cư mới khá đặc thù mà nhiều người gọi là những ốc đảo "đường không tên - nhà không số - người không hộ khẩu".

## II. Chân dung xã hội của những người nhập cư tự do

Bình quân nhân khẩu của các gia đình nhập cư tự do được khảo sát là 4,54 người/hộ. Qui mô này có phần nhỏ hơn bình quân chung của cả nước, - lý do là vì có những gia đình mới chỉ chuyển cư một phần. Số hộ có 1 - 2 người chiếm tỷ lệ 12,4%; số hộ từ 3 đến 5 nhân khẩu chiếm tỷ lệ 63,8%; hộ có qui mô lớn nhất là 12 người (có 3 hộ, chiếm tỷ lệ 2,9%). Các đại gia đình với 3 thế hệ chiếm tỷ lệ 8,6%; đa số là những gia đình 2 thế hệ - 79,0%; số gia đình 1 thế hệ chiếm tỷ lệ 12,4%.

Về giới tính, nam nhiều hơn nữ (54,1% so với 45,9%) - đó có thể là nét đặc trưng của những gia đình di cư: đàn ông đi trước, đàn bà theo sau. Một đặc trưng khác nữa cũng hiện ra rất rõ khi phân tích các độ tuổi. Tuổi trung bình của tất cả các thành viên trong những hộ được khảo sát là 25. Số người ở độ tuổi 15 - 45 chiếm tỷ lệ 56,2%. Nếu tính ở độ tuổi 15 - 60 thì tỷ lệ lên đến 64%. Các con số vừa nêu cho thấy đây là một lớp cư dân rất trẻ. Lý do là vì các thành viên ở tuổi lao động thường là thành phần ưu tiên khi chuyển cư. Mặt khác, người cao tuổi thường không muốn rời quê quán, - chỉ có 3,6% ở tuổi từ 61 trở lên.

Trong số những người đã đến tuổi đi học, có 2,7% mù chữ; 28,6% cấp I; 33,0% cấp II; 29,33% cấp III; và 5,86% đạt trình độ cao đẳng, đại học. Ở thời điểm khảo sát, có 22,6% dân số đang đi học, - tỷ lệ này cao hơn so với tỷ lệ chung của quận Gò Vấp (19,85%), và cao hơn so với toàn thành phố Hồ Chí Minh (15,8%). Có thể xem đây cũng là một nét đặc trưng của những người di dân: họ rất có ý cải tiến thú, nhất là bằng con đường học vấn.

## III. Người nhập cư tự do - nguồn gốc và nguyên nhân

Hầu như từ khắp miền đất nước, - xa nhất về phía Bắc là những người có quê quán ở Quảng Ninh, phía cực Nam là những người có quê quán ở Minh Hải, - đã tụ hội thành phạm trù "người nhập cư tự do" mà cuộc khảo sát đã ghi nhận được. Nếu chia nguồn gốc quê quán theo vùng, từ người nhập cư từ Trung bộ chiếm tỷ lệ cao nhất (39%), tiếp theo là những người từ Bắc bộ (33,3%), từ nguồn gốc Nam bộ chiếm vị trí thứ ba (25,7%). Số người nhập cư từ Tây nguyên là không đáng kể (1,9%). Quảng Nam - Đà Nẵng và Thừa Thiên - Huế là hai tỉnh có số người di cư tự do vào thành phố Hồ Chí Minh nhiều nhất (15,2% và 11,4% của mẫu điều tra). Nam Hà và Quảng Ngãi cùng chiếm vị trí thứ ba (7,6%). Một số vị trí tiếp theo thuộc về Đồng Nai (5,7%), Thanh Hóa (4,8%). Hải Hưng, Thái Bình, Bình Định và Bến Tre đến như nhau (cùng có tỷ lệ 3,8%).

Có thể nói rằng, hiện tượng nhập cư tự do vào thành phố Hồ Chí Minh không chỉ đơn thuần là sự di chuyển dân cư từ các vùng nông thôn vào đô thị, mà thực chất đó còn là hiện tượng xã hội của sự thu hút cả nông dân lẫn thị dân ở các vùng kém phát triển vào thành phố này - với tính cách là cực phát triển mạnh nhất với một lực hấp dẫn đô thị mạnh nhất của cả nước hiện nay. Có hơn một phần ba (35,2%) người nhập cư tự do vào thành phố Hồ Chí Minh vốn là thị dân của các thành phố, trú xã khác. Hai vùng có số thị dân di cư nhiều nhất là Bắc Bộ và Trung Bộ (chiếm 40,0% và 39,0% của số người nhập cư từ hai miền này).

Nếu nhìn nhận rằng, chính sự phân cực phát triển là tác nhân chủ yếu tạo ra làn sóng chuyển cư vào thành phố Hồ Chí Minh, thì người ta cũng đồng thời thấy được nguyên nhân làm bộc phát làn sóng những người nhập cư tự do ở giai đoạn những năm cuối thập niên 80, và trở thành cao trào vào những năm từ 1990 đến nay. Chúng ta biết rằng, tính chung trên toàn thành phố Hồ Chí Minh, năm 1989 tỉ lệ tăng dân số cơ học là 0,95% / năm, và đến năm 1995 tỷ lệ này lên đến 2,2% 1 năm.

Để có nhận định rõ hơn, có thể xét từ một trường hợp cụ thể - Phường 3 quận Gò Vấp - qua các số liệu dưới đây:

*Bảng 2: Cơ cấu nhân khẩu và số hộ phân theo tình trạng cư trú ở phường 3 quận Gò Vấp (8/1995)*

Tình trạng cư trú	Số lượng
- Dân số có hộ khẩu thường trú	17.788 người
* Số người mới nhập cư hợp thức từ 1990 đến 1995	5.211 người
* Số người mới nhập cư tự do từ 1990 đến 1995	7.416 người
- Số gia đình có hộ khẩu thường trú	3.535 gia đình
* Số gia đình mới nhập cư hợp thức từ 1990 đến 1995	2.314 gia đình
* Số gia đình mới nhập cư tự do từ 1990 đến 1995	2.022 gia đình

Về quá trình di cư, trong số các trường hợp nhập cư tự do vào quận Gò Vấp được khảo sát, có hơn một nửa (55,2%) ngay từ đầu, đã chọn chính Gò Vấp làm quê hương mới của mình và chuyển thẳng từ quê quán đến đây. Số còn lại (44,8%) đã phải trải qua những chặng đường trôi dạt từ quận, huyện này sang quận, huyện khác rồi mới tụ hội về đất Gò Vấp.

Gần hai phần ba số trường hợp nhập cư tự do đã đưa cả gia đình cùng một lúc rời quê quán đi lập nghiệp ở quê hương mới; 31,4% chọn phương thức chuyển cư dần từng phần: một số thành viên đi trước để thu xếp việc tái an cư lạc nghiệp, rồi mới chuyển toàn bộ gia đình vào sau. Chỉ có 3 trường hợp (2,9%) dẫn Gò Vấp với tính cách như là đi làm ăn riêng lẻ một mình.

Về lý do di cư, hơn một nửa số trường hợp được khảo sát (51,4%) đã cho biết là không tìm được việc làm ở quê quán, và tỷ lệ này rất đồng đều nhau ở cả Bắc bộ, Trung bộ và Nam bộ. Đứng ở các vị trí tiếp theo, có 17,1% di cư vì muốn tự lập, 11,4% vì thiếu hoặc không có ruộng đất để làm nông, - đây có lẽ là bộ phận nông dân bị "trắng tay" sau khi các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp phải giải thể. Có 3,8% số trường hợp cho biết, chuyển vào đây tìm kế sinh nhai và dành dụm để chi viện cho thân nhân ở quê quán. (Trong thực tế thì số người di dân có giúp đỡ được người thân chiếm tỷ lệ cao hơn, - như ở một đoạn sau sẽ trình bày thêm. Điểm rất đáng lưu ý là, chỉ có 1,9% trong tổng số các trường hợp được khảo sát cho biết là định vào thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn một thời gian rồi sẽ lui về quê cũ. Con số tỷ lệ nhỏ bé này phải chăng muốn nói rằng những người di dân thường mang tâm thế "không thành đạt trù không trở về"?)

Mặt khác, khi phân tích những nguyên nhân của hiện tượng nhập cư tự do, cần lưu ý đến những yếu tố nội tại với tính cách là sức hấp dẫn đô thị của bản thân thành phố Hồ Chí Minh. Như các tài liệu thống kê (ra cho biết, mức thu nhập bình quân của người lao động ở thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1995 là 580.000 đồng / tháng. Mức thu nhập bình quân nhân khẩu là 315.600 đồng (năm 1993). cao gấp 2,65 lần so với cả nước, gấp 2,89 lần đồng bằng sông Hồng, gấp 3,86 lần vùng bắc Trung Bộ, gấp 2,87 lần duyên hải miền Trung, gấp 2,51 lần đồng bằng sông Cửu Long. Đây chắc chắn là yếu tố có sức hấp dẫn rất mạnh mà chính thành phố Hồ Chí Minh này đã tỏa ra để "quyến rũ" dòng người từ bên ngoài nhập cư vào.

Trong khi đó, thị trường lao động ở thành phố Hồ Chí Minh mấy năm vừa qua có sự chuyển dịch khá mạnh, do sự chênh lệch về thu nhập giữa các ngành nghề và do sự phát triển của tầng lớp lao động tự do. Dòng nhân lực đã có những điều kiện khách quan để lựa chọn các chỗ làm phù hợp, có khả năng thăng tiến hơn. Đồng thời, người lao động cũng có những điều kiện và cơ hội để tìm đến những chỗ làm có thu nhập cao hơn. Trong bối cảnh đó, không ít đơn vị sản xuất bị thiếu lao động ngay giữa một thành phố có đông người thất nghiệp. Từ đây có thêm một nguyên nhân nữa để thu hút dòng lao động nhập cư. Trong ngành may, dệt chẳng hạn, số lao động từ các tỉnh khác chiếm tỷ lệ đến một nửa tổng số công nhân được tuyển bổ sung. Đó là chưa kể đến những nguyên nhân thuộc về phạm trù tiêu cực một số người có thẩm quyền, vì lợi ích riêng, thường tuyển dụng lao động từ nguồn nhập cư. Lại một lần nữa chính thành phố này đã tạo điều kiện cho các dòng người nhập cư đổ xô vào.

Sự phát triển sôi động của các lĩnh vực xây dựng, dịch vụ đô thị, dịch vụ khách sạn, nhà hàng, dịch vụ giúp việc gia đình, v.v... cũng là nguyên nhân quan trọng của các làn sóng nhập cư tự do vào thành phố Hồ Chí Minh. Do là chưa kể tới đội ngũ các thiếu nữ được gọi là “tiếp viên” ở các nhà hàng đặc biệt - một bộ phận người nhập cư tự do có phương thức sống dễ dàng với thu nhập rất cao.

Đặc biệt là, tại quận Gò Vấp và một số khu vực khác ở thành phố Hồ Chí Minh, hiện tượng nhập cư tự do còn có một nguyên nhân liên quan đến sự hình thành các khu “gia binh” cũng như liên quan đến việc tuyển dụng lao động của các xí nghiệp quốc phòng và các đơn vị kinh tế của quân đội. Ở phường 17, - vốn là một vùng đất đồi, nơi được sử dụng làm khu vực sửa chữa quân cụ, trước năm 1975, - có đến gần 2.000 hộ mới nhập cư tự do, mà hầu hết là thân nhân của bộ đội. Ở vùng ngoại vi sân bay Tân Sơn Nhất, - khu vực giáp ranh giữa ba quận Gò Vấp, Phú Nhuận và Tân Bình, - những người nhập cư “ăn theo” các cơ quan quân đội đã hình thành một cụm dân cư biệt lập, mà các cơ quan quản lý hành chính không thể thống kê được, chỉ có thể ước lượng số người này đồng bằng dân số của một phường. Ở phường 3 cũng hình thành một cụm dân cư mới, bên cạnh khu vực quân sự. Các xí nghiệp quốc phòng ở quận Gò Vấp đã tuyển dụng khoảng 3.000 - 5.000 công nhân, trong đó không một ai là người thường trú ở quận này. Tất cả những người được tuyển dụng vào các xí nghiệp quốc phòng đều là người từ các tỉnh khác đến, sống tạm trú trong các hộ sở tại hoặc trong các phòng trọ thuê tháng. Trong khu vực bệnh viện quân đội (bệnh viện 175) cũng đã hình thành một cụm dân cư mới từ nguồn nhập cư tự do.

Sự biệt lập, đưa đến tình trạng tự tung tự tác ở một số khu vực dân cư, cũng chính là một nguyên nhân quan trọng của nạn tượng nhập cư tự do.

#### **IV. Hiện trạng kinh tế - xã hội của những người nhập cư tự do**

Trong bước chuyển cư vào môi trường mới, có khoảng một phần năm số gia đình (19,9%) nhận thấy không gặp khó khăn trở ngại gì; trong khi đó có 38,1% phải đối phó với những khó khăn về phương diện “ăn cư” và 57,1% về phương diện lạc nghiệp. Trong tổng số các trường hợp được khảo sát có 16,2% gặp khó khăn do phải chuyển nghề, và 33,3% gặp khó khăn trong bước đường tìm việc làm hoặc phải thất nghiệp cả một thời gian dài.

Chỉ có 7,6% chủ hộ trong số những gia đình này cho biết, khó khăn chủ yếu của mình là ở sự thích nghi về nếp sống, nếp sinh hoạt trong môi trường xã hội mới.

Về tình trạng thổ cư, trong tổng số các trường hợp được khảo sát, có 2,9% gia đình nhập cư đang ở nhờ trên đất của người khác; 13,3% ở trên đất thuê; đại đa số (79,0%) ở trên đất mới mua, mới sang nhượng. Về điều kiện ở, 80% có căn hộ độc lập, thuộc sở hữu riêng; 8,6% ở trong các căn hộ độc lập nhưng là nhà thuê mượn hoặc ở nhờ; 4,8% ở trong các căn phòng thuê tháng.

Theo một cách phân loại có phần hơi giản đơn, cuộc điều tra đã ghi nhận rằng 61,9% những hộ nhập cư tự do đang ở trong các căn nhà đơn sơ, rách nát bằng gỗ, bằng lá hoặc bằng các thứ vật liệu tạm bợ khác. Trong số những gia đình ở căn hộ độc lập, thì 60,7% thuộc loại nhà vừa nói. Loại nhà

kiên cố, kang trang chiếm 38,1% (40 căn); nhưng trong số 40 căn đó chỉ có 12 căn (14,3%) là thuộc sở hữu riêng, còn 28 căn khác (85,7%) là nhà thuê, ở nhờ.

Nếu xem phương tiện đi lại là một chỉ tiêu của mức sống, thì có thể đánh giá rằng những người nhập cư tự do này thuộc thành phần nghèo. Trong số các trường hợp được khảo sát, 17,1% các gia đình không có xe đạp, 61,0% không có xe gắn máy. Số gia đình vừa không có xe đạp vừa không có xe gắn máy chiếm 5,71%. Số gia đình vừa có xe đạp vừa có xe gắn máy là 27,61%.

Về phương tiện sinh hoạt, chỉ có 2 gia đình (1,9%) có bếp điện và 2 gia đình khác có bếp gas: Một sẽ ít dùng bếp dầu, còn tuyệt đại đa sẽ dùng củi để nấu bếp. Số người được sử dụng nước máy cũng chỉ gói gọn trong 2 gia đình, 62,9% có giếng nước. Hơn một phần ba số trường hợp sử dụng nhờ giếng nước của các nhà khác hoặc phải mua. Số gia đình có phòng tắm và cầu tiêu riêng khá đông (92,4% và 82,0%). Một thiểu số (7,6%) cho biết hằng ngày phải sử dụng cầu tiêu công cộng. Nhưng trong các trường hợp này, việc sử dụng cầu tiêu công cộng thực chất là "phóng uế bừa bãi".

Trong điều kiện phải chọn một trong số các phương tiện truyền thông đại chúng, thì có lẽ những gia đình này ưu tiên chọn chiếc ti vi. Số gia đình có máy thu thanh là 38,1%, và hơn một nửa (55,3%) có ti vi. Số gia đình có cả hai phương tiện này chiếm 27,61%; trong khi đó số gia đình có ti vi nhưng không có máy thu thanh cũng là 27,61%. Số trường hợp không có cả hai chiếm 37,14%. Về các phương tiện nghe nhìn khác: 52,3% có máy catset, và 12,4% có máy video.

Khi được đề nghị đưa ra nhận xét về khu vực đang cư trú, những người nhập cư đánh giá về cơ sở hạ tầng xã hội cao hơn án so với sự đánh giá về cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Đa số đã đưa ra nhận xét chưa tất, chưa thuận liên về điều kiện đường sá, giao thông (61,0%) và về hệ thống điện, nước (64,8%). Trong khi đó, đa số đều có nhận xét "tốt, thuận tiện" về điều kiện y tế, vệ sinh - môi trường (61,0%), về điều kiện học hành của con em (81,9%), về an ninh trật tự trong khu vực (86,7%), và về quan hệ hàng xóm láng giềng (97,1%).

Bước chuyển cư từ các miền đất nước vào một trung tâm đô thị lớn như thành phố Hồ Chí Minh là một bước ngoặt trong sự chuyển đổi nghề nghiệp. Để có cái nhìn tổng quan về vấn đề này, chúng ta xem bảng so sánh dưới đây:

*Bảng 3: Sự thay đổi nghề nghiệp của các thành viên trong những hộ nhập cư tự do được khảo sát.*

Nghề nghiệp	Trước khi chuyển cư		Hiện nay	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
1. Còn nhỏ (chưa lao động)	172	36,1	109	22,9
2. Già yếu, mất sức lao động	10	2,1	18	3,8
3. Làm nông, chăn nuôi	67	14,0	2	0,4
4. Sản xuất TTCN (tại nhà)	18	3,8	47	9,9
5. Làm thuê	12	2,5	48	10,1
6. Buôn bán, dịch vụ (có quầy, sạp)	23	4,8	45	9,4
7. Hàng rong, vé số, ve chai	14	2,9	26	5,5
8. Khuân vác, đạp xích lô, xe ôm	5	1,0	13	2,7
9. Cán bộ, công nhân viên nhà nước	67	14,0	36	7,5
10. Đang đi học	81	17,0	108	22,6
11. Các nghề khác	8	1,7	25	5,2

Sự chuyển đổi nghề nghiệp dễ nhận lấy như tất nhiên chính là sự giảm mạnh đến mức tối bấu những người làm nông nghiệp: 14,0% trước khi chuyển cư so với 0,4% hiện nay. Những người trước đây làm nghề nông, sau khi nhập cư vào thành phố có xu hướng chuyển sang hoạt động trong lĩnh vực buôn bán, dịch vụ, hàng rong, bán vé số, ve chai, tiểu thủ công nghiệp, khâu vá, đập xích lô, chạy xe ôm. Sự giảm thiểu thứ hai là thành phần cán bộ, công nhân viên nhà nước - 14,0% trước khi chuyển cư so với 7,5% hiện nay. Thành phần này có 26,86% vẫn tiếp tục làm trong khu vực nhà nước; số còn lại có xu hướng chuyển sang lĩnh vực làm thuê, buôn bán, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp. Loại nghề nghiệp có tỷ lệ gia tăng “gây ấn tượng mạnh” trong số những người nhập cư, đó là nghề làm thuê 2,5% trước khi chuyển cư so với 10,1% hiện nay. Đứng thứ hai về tỷ lệ gia tăng là các nghề tiểu thủ công nghiệp tại nhà. Thứ ba là buôn bán, dịch vụ. Thứ tư là hàng rong, vé số, ve chai. Điểm đặc biệt cần nhấn mạnh là sự gia tăng tỷ lệ người đi học - 22,6% hiện nay so với 17,0% trước khi chuyển cư. Điều này có liên quan đến tinh thần tiên thủ của người di dân mà ở trên đã nói.

Trong tất cả các gia đình nhập cư tự do, có 49,5% tổng số các thành viên hiện đang có những hoạt động đem lại thu nhập cho gia đình ở những mức độ khác nhau. Tỷ lệ này là cao hơn hẳn so với giai đoạn trước khi nhập cư vào thành phố Hồ Chí Minh. Bảng sau đây làm rõ thêm tình hình đóng góp vào thu nhập của gia đình trước và sau khi nhập cư.

*Bảng 4: Tình hình đóng góp vào thu nhập của gia đình trước và sau khi nhập cư.*

Tình hình đóng góp vào thu nhập của gia đình	Trước khi nhập cư		Hiện nay	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
- Không có thu nhập	263	55,1	241	50,5
- Có đóng góp chút ít	58	12,2	78	16,4
- Có đóng góp đáng kể	94	19,7	77	16,1
- Đóng góp chủ yếu	62	13,0	81	17,0

Đa số các trường hợp được khảo sát đã tự đưa ra những nhận định lạc quan về sự chuyển biến tích cực trong đời sống kinh tế của gia đình. Có 67,6% cho biết anh hình kinh tế gia đình đã khá hơn so với khi còn ở tại quê quán. Theo đó, có 52,4% tự nhận định là “có phần khá hơn trước”, và 15,2% “khá hơn trước nhiều”. Bên cạnh đó, có 15,2% các gia đình nhập cư nhận thấy đời sống kinh tế vẫn như trước đây. Số trường hợp cho biết đời sống kém thua trước chiếm 17,2% - trong đó chỉ có 1,0% “kém thua trước nhiều”. Nếu xem xét vấn đề này từ góc độ nguồn gốc quê quán, chúng ta thấy những người từ Trung bộ nhập cư vào thành phố có phần thành công hơn cả: tính riêng những người nhập cư từ Trung bộ, có đến 78,04% cho biết đời sống khá hơn trước. Tỷ lệ này ở những người từ Bắc bộ vào là 60,0%; từ Nam bộ là 62,96%. Những người nhập cư từ Trung bộ cũng chiếm tỷ lệ cao ở thành phần “khá hơn trước nhiều”.

Khi được đề nghị tự phân loại mức sống hiện nay, có 59,0% số gia đình được khảo sát tự xếp vào loại trung bình và 38,1% thuộc loại nghèo. Chỉ có 2 trường hợp (1,9%) tự xếp vào loại khác và 1 trường hợp (1,0%) ở trong tình trạng đối, - đang kêu gọi sự cứu tế.

Trong điều kiện mà mức sống hiện nay của đại đa số chỉ từ mức trung bình trở xuống, nhưng vẫn có đến 29,6% gia đình nhập cư đã dành dụm được chút ít để gửi về quê trợ giúp người thân. Có 45,7% trong tổng những gia đình nhập cư từ khu vực Bắc bộ, và 29,3% những người nhập cư từ khu vực Trung bộ có hành động trợ giúp người thân ở quê quán. Tỷ lệ này ở những người nhập cư từ Nam bộ chỉ được 7,4%. Điều đáng nói thêm là, trong số những gia đình thuộc loại nghèo vẫn có đến 25,0% đã và đang trợ giúp thân nhân ở quê cũ.

### V. Vấn đề an cư lạc nghiệp của những người nhập cư tự do

Trong số những dự định trước mắt nhằm ổn định cuộc sống, có 29,5% các gia đình nhập cư cho biết sẽ xin cho một hoặc một số thành viên vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị nhà nước. Đó là hướng ưu tiên số một (chiếm tỷ lệ cao nhất trong số các định hướng tương lai) của các gia đình được khảo sát ưu tiên thứ hai thuộc về các hoạt động trong lĩnh vực buôn bán, dịch vụ - 26,7%. Chiếm tỷ lệ thấp nhất là những dự định tự tổ chức sản xuất: (7,6%) trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, và 1,0% trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi.

Những định hướng vừa nói phải chăng có phần nghịch lý trong tình hình hiện nay, khi mà toàn thành phố Hồ Chí Minh đang có 225.589 người chưa có việc làm - không kể 470.855 người đang làm việc nội trợ (*theo Niên giám thống kê 1995 của Cục Thống kê TP.HCM*). Với nhiều nỗ lực từ các cơ quan nhà nước và cả các hội đoàn, trong sáu tháng đầu năm 1995, toàn thành phố Hồ Chí Minh cũng chỉ giải quyết được việc làm cho 77.651 lao động, trong đó có 16.608 lao động tạm thời. Trong những năm tới, nếu với tiến độ trung bình mỗi năm giải quyết được việc làm cho 150.000 người, thì khó có thể hy vọng bố trí kịp việc làm cho số người thất nghiệp còn tồn đọng và lực lượng lao động đến tuổi trong cư dân nội tại của thành phố Hồ Chí Minh. Tuy vậy, việc thu hút lao động nhập cư vào làm việc trong những cơ quan, đơn vị nhà nước sẽ cứ là một tất yếu, khi vẫn còn có những loại công việc không hấp dẫn đối với người thất nghiệp ở thành phố này.